

Bản án số: 1397/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán điện

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L1

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
- Bà Hoàng Thị Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim B, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 749/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2405/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2968/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ Thành phố H TNHH

Địa chỉ trụ sở chính: 35 T, phường S, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: 246 Tô Ký, phường TM, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang M, sinh năm: 1968, trú tại: 70B Bis, Khu phố 1A, phường TT, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số 708/UQ-PCAPĐ ngày 09/4/2024).

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1980

Địa chỉ thường trú: 11 đường TA 15, Khu phố 17, phường TA, Thành phố H

Địa chỉ cư trú: 1180/1 đường Q, phường TT, Thành phố H.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2024 của Tổng Công ty Đ Thành phố H TNHH (sau đây viết tắt là Tổng Công ty Đ) và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quang M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tổng Công ty Đ có ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 18/02/8764 ngày 20/12/2018, mã khách hàng PE16000211899 với bà Nguyễn Thị Thu H. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã phát sinh tiền điện với số tiền là 5.383.815 (Năm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười lăm) đồng.

Do bà Nguyễn Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Tổng Công ty Điện lực rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật tương ứng với số tiền điện chưa thanh toán và giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện về việc đề nghị yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán đủ số tiền điện chưa thanh toán là 5.383.815 đồng cho Tổng Công ty Đ. Bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán số tiền còn nợ ngay một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố H đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H. Tuy nhiên, bị đơn đã không có bất kỳ ý kiến nào về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố H tiếp tục tiến hành triệu tập bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do nên việc hòa giải đã không thể tiến hành. Vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 12 tháng 9 năm 2025, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, Viện kiểm sát còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự, kiến nghị về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu nguyên đơn cung cấp, xác định bị đơn có nợ tiền điện như nguyên đơn trình bày, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định tương ứng với số tiền điện chưa thanh toán.

Bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Tổng Công ty Đ số tiền điện chưa thanh toán trong quá trình sử dụng điện tổng cộng là 5.383.815 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Tổng Công ty Đ và bà Nguyễn Thị Thu H phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 18/02/8764 ngày 20/12/2018, mã khách hàng PE16000211899. Xét đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể là mua bán điện. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa chỉ số 11 đường TA 15, Khu phố 17, phường TA, Thành phố H; Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại địa chỉ số 1180/1 đường Quang Trung, phường Thông Tây Hội, Thành phố H; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố H.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quang M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về phía bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ tại các điểm a và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả đủ số tiền điện còn nợ tổng cộng là 5.383.815 (Năm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười lăm) đồng cho Tổng Công ty Đ và phải trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 18/02/8764 ngày 20/12/2018, mã khách hàng PE16000211899 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đúng thẩm quyền, nội dung không trái các quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực từ ngày ký kết. Bị đơn đã được Tòa án thông báo việc nguyên đơn khởi kiện đòi nợ tiền sử dụng điện nhưng không có bất kỳ ý kiến nào về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản do nguyên đơn đưa ra, xác định bị đơn còn nợ tiền sử dụng điện như nguyên đơn trình bày tổng cộng là 5.383.815 (Năm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười lăm) đồng.

Căn cứ tại khoản 1 Điều 23 Luật Điện lực năm 2012 quy định “bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thoả thuận trong hợp đồng mua bán điện”. Do đó, yêu cầu của Tổng Công ty Đ là có căn cứ được chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty Đ về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền điện chưa thanh toán và buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Tổng Công ty Đ số tiền điện chưa thanh toán trong quá trình sử dụng điện tổng cộng là 5.383.815 (Năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười lăm) đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227 ; Điều 228 ; Điều 229; Điều 235 ; Điều 244; Điều 266 ; Điều 267; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 357, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 22, Điều 23 và khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực sửa đổi, bổ sung năm 2012 ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 26, 30 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018.

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Đ Thành phố H TNHH về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền điện còn nợ chưa thanh toán.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Tổng Công ty Đ Thành phố H TNHH đối với bà Nguyễn Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho Tổng Công ty Đ Thành phố H TNHH số tiền nợ trong quá trình sử dụng điện tổng cộng là 5.383.815 (Năm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Tổng Công ty Đ Thành phố H TNHH cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng bà Nguyễn

Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng;

3.2. Tổng Công ty Đ Thành phố H TNHH được nhận lại 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016975 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận A, Thành phố H (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố H).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực 7 – Thành phố H;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị L1